



nǚ láng
女郎

noun · young woman; girl

Example Sentences

nà wèi nǚ láng chuān zhe hóng sè de qún zi
那位女郎穿着红色的裙子。

That young woman is wearing a red dress.

diàn yǐng lǐ de nǚ láng fēi cháng yǒng gǎn
电影里的女郎非常勇敢。

The girl in the movie is very brave.

Trace each character, then write the word on your own.

女	女	女	女	女	女															
郎	郎	郎	郎	郎	郎	郎	郎	郎	郎	郎										